

**BẢNG ĐIỂM THI LẦN 1 HỌC KỲ 2019**  
**Lớp UDPM 3 K10 Mã lớp học 25,697 Lý thuyết**

Môn học: UMH16 Cơ sở dữ liệu

Giáo viên: Nguyễn Hồng Hạnh

Số đơn vị học trình: 2

Ngày thi .....

| STT | Mã SV    | Họ và tên          | Ngày sinh  | Điểm | Số tờ | Chữ ký SV     | Ghi chú |
|-----|----------|--------------------|------------|------|-------|---------------|---------|
| 1   | CD182922 | Hoàng Thị Mai Anh  | 30/04/1999 | 5    |       | <u>mai</u>    |         |
| 2   | CD182320 | Đỗ Duy Bình        | 09/02/2000 |      |       | <u>Bình</u>   | Vắng    |
| 3   | CD182535 | Mẫn Thị Thu Chà    | 07/11/2000 | 6    |       | <u>chà</u>    |         |
| 4   | CD182405 | Phạm Văn Chương    | 21/04/2000 | 3    |       | <u>Chương</u> |         |
| 5   | CD183193 | Trần Kim Cương     | 04/11/1995 | 5    |       | <u>Cương</u>  |         |
| 6   | CD182452 | Nguyễn Tài Dân     | 08/03/2000 | 6    |       | <u>Dân</u>    |         |
| 7   | CD182230 | Nguyễn Đình Duẩn   | 27/10/2000 | 5    |       | <u>Duẩn</u>   |         |
| 8   | CD182128 | Nguyễn Minh Đức    | 29/08/2000 | 6    |       | <u>Đức</u>    |         |
| 9   | CD182333 | Hà Mạnh Dũng       | 07/08/1999 | 2    |       | <u>Dũng</u>   |         |
| 10  | CD182175 | Nguyễn Văn Hải     | 24/11/2000 | 4    |       | <u>Hải</u>    |         |
| 11  | CD182367 | Mã Hoàng Hiệp      | 15/05/2000 | 2    |       | <u>Hiệp</u>   |         |
| 12  | CD182338 | Đào Mạnh Hoàng     | 17/01/2000 | 3    |       | <u>Hoàng</u>  |         |
| 13  | CD171922 | Hoàng Đức Huy      | 05/12/1999 | 6    |       | <u>Huy</u>    |         |
| 14  | CD182767 | Nguyễn Đức Huy     | 07/09/2000 | 4    |       | <u>Huy</u>    |         |
| 15  | CD182140 | Đình Xuân Khải     | 08/08/1999 | 3    |       | <u>Khải</u>   |         |
| 16  | CD170088 | Hoàng Đăng Khoa    | 08/07/1997 | 7    |       | <u>Khoa</u>   | (Bây)   |
| 17  | CD182356 | Phạm Hồng Khởi     | 16/04/2000 | 6    |       | <u>Khởi</u>   |         |
| 18  | CD182557 | Nguyễn Xuân Lâm    | 13/03/2000 | 5    |       | <u>Lâm</u>    |         |
| 19  | CD182727 | Đỗ Huy Long        | 05/07/2000 | 3    |       | <u>Long</u>   |         |
| 20  | CD182438 | Nguyễn Tuấn Long   | 30/11/2000 | 4    |       | <u>Long</u>   |         |
| 21  | CD182148 | Kiều Văn Luân      | 23/01/2000 | 6    |       | <u>Luân</u>   |         |
| 22  | CD182275 | Đình Văn Luật      | 04/02/2000 | 5    |       | <u>Luật</u>   |         |
| 23  | CD182218 | Nguyễn Văn Luật    | 18/09/2000 | 3    |       | <u>Luật</u>   |         |
| 24  | CD182331 | Trần Đại Nghĩa     | 16/08/2000 | 7    |       | <u>Nghĩa</u>  |         |
| 25  | CD160175 | Nguyễn Văn Nhật    | 21/11/1998 |      |       | <u>Nhật</u>   | Vắng    |
| 26  | CD182334 | Nguyễn Kim Phong   | 16/08/2000 | 3    |       | <u>Phong</u>  |         |
| 27  | CD181299 | Đinh Thị Thành     | 12/08/2000 | 5    |       | <u>Thành</u>  |         |
| 28  | CD182247 | Nguyễn Trung Thành | 09/06/1999 | 5    |       | <u>Thành</u>  |         |
| 29  | CD182442 | Nguyễn Minh Tiến   | 17/09/2000 | 5    |       | <u>Tiến</u>   |         |
| 30  | CD182152 | Nguyễn Văn Trí     | 12/01/2000 | 5    |       | <u>Trí</u>    |         |
| 31  | CD182748 | Nguyễn Vũ Trọng    | 23/10/2000 | 4    |       | <u>Trọng</u>  |         |
| 32  | CD183167 | Trần Duy Truyền    | 10/04/1996 | 9    |       | <u>Truyền</u> |         |
| 33  | CD183183 | Vương Sỹ Tùng      | 16/01/2000 | 5    |       | <u>Tùng</u>   |         |

Không được thi do không hoàn thành học phí

09-9-2019

| STT | Mã SV    | Họ và tên     | Ngày sinh  | Điểm | Số tờ | Chữ ký SV | Ghi chú |
|-----|----------|---------------|------------|------|-------|-----------|---------|
| 34  | CD182726 | Ngô Thị Hà Vy | 21/10/2000 | 6    |       | vy        |         |

Tổng số sinh viên dự thi: 32

Số sinh viên đạt: .....

Tổng số tờ giấy thi: 32 .....

Ngày giáo viên nộp điểm: .....

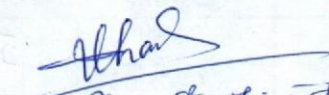
Hạn cuối nộp điểm: .....

**PHÒNG ĐÀO TẠO**



Trần Thị Như Trang

**CÁN BỘ CHẤM THI**

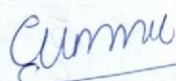


Nguyễn Thị Hằng

CÁN BỘ COI THI 1

CÁN BỘ COI THI 2

**TRƯỞNG KHOA**



Nguyễn Cao Cường